

Số: 35/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 377/2025/TLST-HNGĐ ngày 19/11/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1988; số CCCD: 049188007929 do Cục C về TTXH cấp ngày 28/06/2021; địa chỉ: Số F T, phường S, TP ..

- Bị đơn: Ông **Trần Ngọc N1**, sinh năm 1983; số CCCD: 048083003491 Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 22/12/2021; địa chỉ: Tổ B, phường S, TP ..

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06/01/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị N và ông Trần Ngọc N1 (Do công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà N và ông N1 nên giấy chứng nhận kết hôn số 129 do UBND phường M, quận S (nay là phường S, TP .) cấp ngày 07/12/2009 không còn giá trị pháp lý).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Trần Ngọc N1 thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Bà N và ông N1 xác định vợ chồng có 01 con chung: Trần Văn Ngọc T, sinh ngày 25/09/2010. Thuận tình ly hôn, bà N và ông N1 thống nhất thỏa thuận: Giao con chung Trần Văn Ngọc T, sinh ngày 25/09/2010 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; ông N1 không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Bà N và ông N1 xác định không có.

3. Án phí HNGĐ-ST: 150.000 đồng bà N tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005779 ngày 19/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà N được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- UBND phường Sơn Trà;

THẨM PHÁN

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Đông Thanh